

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 1 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		239,921,777,628	190,482,471,768	239,921,777,628	190,482,471,768
2. Các khoản giảm trừ doanh thu					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		239,921,777,628	190,482,471,768	239,921,777,628	190,482,471,768
4. Giá vốn hàng bán		189,831,274,676	151,826,428,228	189,831,274,676	151,826,428,228
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		50,090,502,952	38,656,043,540	50,090,502,952	38,656,043,540
6. Doanh thu hoạt động tài chính		2,731,546,912	10,115,521,341	2,731,546,912	10,115,521,341
7. Chi phí tài chính		5,022,544,954	5,886,952,540	5,022,544,954	5,886,952,540
Trong đó: chi phí lãi vay		4,910,440,324	5,634,163,932	4,910,440,324	5,634,163,932
8. Chi phí bán hàng		7,332,192,197	5,915,589,935	7,332,192,197	5,915,589,935
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		16,087,675,202	13,690,581,055	16,087,675,202	13,690,581,055
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		24,379,637,511	23,278,441,351	24,379,637,511	23,278,441,351
11. Thu nhập khác		384,133,954	339,146,169	384,133,954	339,146,169
12. Chi phí khác		156,790,822	57,021,273	156,790,822	57,021,273
13. Lợi nhuận khác		227,343,132	282,124,896	227,343,132	282,124,896
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		24,606,980,643	23,560,566,247	24,606,980,643	23,560,566,247
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		6,151,745,161	5,890,141,562	6,151,745,161	5,890,141,562
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		18,455,235,482	17,670,424,685	18,455,235,482	17,670,424,685
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)					

Người lập biểu

Dương Ngọc Hải

Kế Toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Hiếu

Lập Ngày 18 tháng 04 năm 2013



Lê Hùng